

Hợp đồng số: Mã khách hàng:

Mã điểm cung cấp DVVT:

HỢP ĐỒNG CUNG CẤP VÀ SỬ DỤNG DỊCH VỤ

Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông, truyền hình (dưới đây gọi tắt là "Hợp đồng") được ký kết ngàytháng..... năm..... tại..... giữa và bởi:

BÊN SỬ DỤNG DỊCH VỤ VIỄN THÔNG (Gọi tắt là "Bên A" hoặc "Khách hàng")

Tên Doanh nghiệp/Tổ chức/Cá nhân:.....

Người đại diện (áp dụng đối với doanh nghiệp/tổ chức):

Chức vụ: Ngày sinh: Nam/nữ:

Số CMND/Căn cước/Hộ chiếu: Nơi cấp: Ngày cấp:...../...../.....

Số Giấy Chứng nhận ĐKDN/Quyết định thành lập/Giấy phép đầu tư: Nơi cấp:..... Ngày cấp/...../.....

Địa chỉ (theo CMND/Căn cước/Giấy Chứng nhận ĐKDN/Quyết định thành lập/Giấy phép đầu tư):

Số nhà..... Đường..... Tổ..... Phường/xã.....

Quận/Huyện..... Tỉnh/TP.....

Điện thoại: Email:

Số tài khoản: Ngân hàng:

Mã số thuế:

BÊN CUNG CẤP DỊCH VỤ : TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG VIETTEL - CHI NHÁNH TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP - VIỄN THÔNG QUÂN ĐỘI (Gọi tắt là "Bên B" hoặc "Viettel")

Người đại diện : Cao Anh Sơn - Tổng Giám đốc Tổng Công ty Viễn thông Viettel (Viettel Telecom)

Số Giấy chứng nhận ĐKDN : 0100109106 - 011 Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội Ngày cấp: 18/12/2018

Địa chỉ : Số 1 - Giang Văn Minh - Phường Kim Mã - Quận Ba Đình - Thành phố Hà Nội

Điện thoại : 18008098 (Dịch vụ di động)/18008119 (Dịch vụ cố định) Website: <http://vietteltelecom.vn>

Mã số thuế

Tài khoản giao dịch Số: [TK của từng tỉnh] tại Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Điện Biên Phủ;
Số: [TK của từng tỉnh] tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở Giao Dịch 1
Số: [TK của từng tỉnh] tại Ngân Hàng NN&PTNT - Chi nhánh Láng Hạ
Số: [TK của từng tỉnh] tại Ngân hàng Bưu Điện Liên Việt, Hội sở

Đơn vị thụ hưởng: TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP - VIỄN THÔNG QUÂN ĐỘI

Điều 1 – Quy định chung

1.1. Bên B cam kết cung cấp các loại dịch vụ viễn thông, truyền hình (dưới đây gọi tắt là "Dịch vụ") cho Bên A theo thỏa thuận trong Hợp đồng. Thời gian bắt đầu tính cước Dịch vụ của Bên A là ngày hòa mạng (đối với dịch vụ di động) hoặc ngày Các Bên ký các biên bản nghiệm thu liên quan kèm theo (đối với các dịch vụ khác).

1.2. Bên B đồng ý cung cấp và Bên A đồng ý sử dụng dịch vụ như sau:

STT	Loại dịch vụ	Địa chỉ lắp đặt	Số điện thoại/ Tên truy cập	Gói cước/Tốc độ	Phí hòa mạng/ lắp đặt	Ghi chú
1						
2						
3						
4						
5						

1.3. Bên A cam kết thanh toán các khoản cước thuê bao, phát sinh trong quá trình sử dụng theo quy định của Bên B trong thời hạn tối đa (N) ngày kể từ ngày cuối cùng của tháng tính cước (ngày N do Bên B quy định đối với từng Dịch vụ nhưng tối thiểu là 05 ngày). Quá thời hạn đó, Bên B có quyền tạm ngừng cung cấp Dịch vụ theo quy định tại Điều khoản chung.

1.4. Các Bên thống nhất các hình thức nhận thông báo cước, hình thức thanh toán Bên A đã đăng ký (trừ trường hợp Bên A thay đổi hình thức gửi thông báo cước trong quá trình sử dụng sau ngày ký hợp đồng)

